

Số: 60 /CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 05 năm 2026

*V/v cung cấp thông tin phản biện một số cáo
buộc liên quan đến ngành thủy sản Việt Nam
trong vụ việc Hoa Kỳ điều tra theo Mục 301*

Kính gửi: Cục Phòng vệ thương mại – Bộ Công Thương

Phúc đáp đề nghị của Cục Phòng vệ thương mại về việc cung cấp thông tin phục vụ xây dựng nội dung phản biện sau phiên điều trần trong vụ việc Hoa Kỳ điều tra về dư thừa công suất theo Mục 301, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) xin chia sẻ một số ý kiến và thông tin liên quan đến các cáo buộc đối với ngành thủy sản Việt Nam như sau:

I. Đối với cáo buộc liên quan đến báo cáo của ILO về lao động trong khai thác và chế biến thủy sản

VASEP đã rà soát báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) có tiêu đề Towards fair seas: Recruitment and working conditions for migrant workers in the fishing and seafood processing sectors in South-East Asia. Đây là báo cáo nghiên cứu về tuyển dụng và điều kiện làm việc của lao động di cư trong lĩnh vực khai thác và chế biến thủy sản tại khu vực Đông Nam Á, không phải là báo cáo đánh giá riêng về điều kiện lao động trong nội địa ngành thủy sản Việt Nam. Báo cáo được ILO công bố năm 2026, với mẫu khảo sát gồm lao động di cư hồi hương từ Campuchia, Indonesia, Myanmar và Việt Nam.

Theo phương pháp nghiên cứu của ILO, đối tượng khảo sát là những lao động đã trở về nước sau khi làm việc trong lĩnh vực khai thác hoặc chế biến thủy sản tại các điểm đến như Trung Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc, Thái Lan hoặc Đài Loan trong vòng hai năm trước thời điểm khảo sát. Mẫu khảo sát gồm 1.262 lao động di cư, trong đó có 301 lao động từ Việt Nam. Như vậy, kết quả nghiên cứu phản ánh trải nghiệm của lao động di cư trong các hành lang di cư khu vực, không phản ánh trực tiếp tình hình sử dụng lao động tại các cơ sở nuôi trồng, khai thác hoặc chế biến thủy sản trong lãnh thổ Việt Nam.

VASEP cho rằng việc phía Hoa Kỳ viện dẫn con số “1 trong 8 lao động di cư, tương đương 13%, làm việc trong điều kiện bị coi là lao động cưỡng bức” để quy kết cho riêng ngành thủy sản Việt Nam là chưa chính xác và có tính khái quát hóa không phù hợp. Theo báo cáo của ILO, tỷ lệ 13% là ước tính chung cho toàn bộ mẫu lao động di cư khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực khai thác và chế biến thủy sản. Khi bóc tách theo nhóm, báo cáo nêu rõ tỷ lệ lao động cưỡng bức trong nhóm lao động chế biến thủy sản chỉ ở mức 0,4%, trong khi nhóm lao động di cư Việt Nam chỉ ghi nhận ở mức 1%, thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình khu vực.

Do đó, VASEP đề nghị Cục PVTM lưu ý trong nội dung phản biện rằng: việc sử dụng tỷ lệ trung bình 13% của toàn khu vực để áp cho Việt Nam là suy diễn thiếu cơ sở, không phản ánh đúng nội dung, phạm vi và phương pháp nghiên cứu của báo cáo ILO.

Bên cạnh đó, Việt Nam là một trong những quốc gia sản xuất và xuất khẩu thủy sản quan trọng của thế giới. Thủy sản Việt Nam hiện được xuất khẩu tới khoảng 170 thị trường

trên thế giới, trong đó có nhiều thị trường lớn và có yêu cầu cao về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm xã hội và môi trường như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc. Việc duy trì hiện diện ổn định tại các thị trường này cho thấy ngành thủy sản Việt Nam đã và đang đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu tuân thủ của chuỗi cung ứng quốc tế, bao gồm cả các yêu cầu về lao động, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

Trong thực tiễn, nhiều doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và các hệ thống bán lẻ quốc tế, đã áp dụng các chương trình quản lý lao động, truy xuất nguồn gốc và đánh giá nhà cung cấp theo yêu cầu của khách hàng và các tiêu chuẩn quốc tế. Các doanh nghiệp cũng phải tuân thủ pháp luật lao động Việt Nam về hợp đồng lao động, tiền lương, thời giờ làm việc, an toàn vệ sinh lao động, không sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em.

II. Đối với cáo buộc liên quan đến bột cá, thức ăn nuôi tôm và nguyên liệu đầu vào chế biến tôm

Đối với cáo buộc cho rằng Việt Nam nhập khẩu bột cá từ Thái Lan, Peru và nguyên liệu đầu vào từ Ấn Độ, từ đó cho rằng các đầu vào này có thể “nhiễm” lao động cưỡng bức và tham gia vào quá trình sản xuất tôm xuất khẩu sang Hoa Kỳ, VASEP cho rằng nhận định này là suy diễn, chưa có căn cứ thực tế và chưa phản ánh đúng đặc thù chuỗi cung ứng tôm Việt Nam.

Theo thông tin VASEP tổng hợp, nguồn bột cá phục vụ chăn nuôi và sản xuất thức ăn tại Việt Nam hiện chủ yếu đến từ sản xuất trong nước, với sản lượng ước khoảng 550.000–600.000 tấn/năm. Ngoài ra, Việt Nam có nhập khẩu một phần bột cá từ các nước như Peru, Chile, Ấn Độ, với khối lượng ước khoảng 100.000–130.000 tấn/năm, phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi. Phần lớn nguồn bột cá này được sử dụng trong thức ăn gia súc, gia cầm và một số lĩnh vực chăn nuôi khác; tỷ lệ sử dụng trực tiếp cho nuôi tôm là không đáng kể.

Việc một số nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc từ quốc gia từng được Bộ Lao động Hoa Kỳ xếp vào nhóm có rủi ro trong một số sản phẩm không đồng nghĩa với việc sản phẩm tôm xuất khẩu của Việt Nam có vi phạm về lao động cưỡng bức. Danh sách của Bộ Lao động Hoa Kỳ là công cụ nhằm nâng cao nhận thức và hỗ trợ đánh giá rủi ro chuỗi cung ứng, không phải là biện pháp trừng phạt hay kết luận vi phạm đối với từng lô hàng, từng doanh nghiệp hoặc từng quốc gia nhập khẩu nguyên liệu. Bộ Lao động Hoa Kỳ cũng nêu rõ danh sách này “không nhằm mục đích trừng phạt”.

Đối với Thái Lan, Bộ Lao động Hoa Kỳ có đề cập rủi ro đối với bột cá, đầu cá và thức ăn chăn nuôi sản xuất tại Thái Lan do sử dụng đầu vào là cá có nguy cơ liên quan đến lao động cưỡng bức. Tuy nhiên, thông tin này không thể được tự động suy diễn thành kết luận rằng tôm Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ có sử dụng đầu vào vi phạm, đặc biệt khi chưa có bằng chứng cụ thể về mối liên hệ giữa từng nguồn nguyên liệu, từng nhà cung cấp, từng nhà máy thức ăn, vùng nuôi và lô hàng tôm xuất khẩu.

Ngành tôm Việt Nam hiện đã áp dụng ngày càng phổ biến các hệ thống truy xuất nguồn gốc, kiểm soát nhà cung cấp, quản lý vùng nuôi, kiểm soát nguyên liệu đầu vào và đánh giá tuân thủ theo yêu cầu của nhà nhập khẩu. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu sang Hoa Kỳ và các thị trường yêu cầu cao, hồ sơ chuỗi cung ứng thường bao gồm thông tin vùng nuôi, cơ sở nuôi, nhà máy chế biến, nhà cung cấp thức ăn, chứng nhận chất lượng và các hồ sơ kiểm soát liên quan. Các cơ chế này giúp doanh nghiệp nhận diện, tách biệt và loại trừ các nguồn nguyên liệu không phù hợp theo yêu cầu của khách hàng và thị trường nhập khẩu.

VASEP cũng chưa ghi nhận thông báo chính thức hoặc bằng chứng cụ thể từ Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ về việc áp dụng biện pháp hạn chế nhập khẩu đối với tôm Việt Nam liên quan đến cáo buộc lao động cưỡng bức trong chuỗi cung ứng bột cá, thức ăn nuôi tôm hoặc nguyên liệu đầu vào chế biến tôm.

Do đó, VASEP đề nghị nội dung phản biện cần nhấn mạnh rằng: cáo buộc của phía Hoa Kỳ mới dừng ở mức suy đoán rủi ro theo quốc gia xuất xứ của một số đầu vào, chưa chứng minh được mối liên hệ trực tiếp với sản phẩm tôm Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Việc quy kết sản phẩm tôm Việt Nam “bị nhiễm” lao động cưỡng bức là không phù hợp nếu không có bằng chứng cụ thể về chuỗi cung ứng, nhà cung cấp, doanh nghiệp, lô hàng và hành vi vi phạm.

III. Kiến nghị

Từ các nội dung trên, VASEP kính đề nghị Cục PVTM tổng hợp và đưa vào hồ sơ phản biện của Việt Nam các điểm chính sau:

Thứ nhất, bác bỏ việc sử dụng con số 13% trong báo cáo ILO để quy kết cho riêng ngành thủy sản Việt Nam. Đây là tỷ lệ trung bình của nhóm lao động di cư khu vực Đông Nam Á, không phải tỷ lệ của Việt Nam; riêng nhóm lao động di cư Việt Nam trong báo cáo chỉ ghi nhận mức 1%.

Thứ hai, làm rõ rằng báo cáo ILO không đánh giá trực tiếp tình hình lao động trong nội địa ngành nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản Việt Nam, mà nghiên cứu trải nghiệm của lao động di cư hồi hương sau khi làm việc tại các thị trường nước ngoài.

Thứ ba, phản bác cách suy diễn từ rủi ro của một số đầu vào nhập khẩu sang kết luận rằng tôm Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ có liên quan đến lao động cưỡng bức. Mọi cáo buộc cần dựa trên bằng chứng cụ thể về chuỗi cung ứng, doanh nghiệp, lô hàng và hành vi vi phạm.

Thứ tư, đề nghị các cơ quan chức năng, đặc biệt là Cục Hải quan và cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi/thủy sản, hỗ trợ bổ sung số liệu chính thức về nhập khẩu bột cá, thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu đầu vào theo mã HS liên quan, nhằm làm rõ tỷ trọng, mục đích sử dụng và mức độ liên quan thực tế tới chuỗi sản xuất tôm xuất khẩu.

Thứ năm, khẳng định ngành thủy sản Việt Nam, trong đó có ngành tôm, đang tiếp tục nâng cao năng lực truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chuỗi cung ứng, trách nhiệm xã hội và tuân thủ yêu cầu của các thị trường nhập khẩu, bao gồm Hoa Kỳ.

VASEP xin gửi Cục Phòng vệ thương mại một số ý kiến nêu trên để tổng hợp, phục vụ xây dựng nội dung phản biện với phía Hoa Kỳ. VASEP sẵn sàng tiếp tục phối hợp, cung cấp thêm thông tin trong phạm vi khả năng của Hiệp hội và doanh nghiệp hội viên.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường vụ HH;
- BCH&BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ


Nguyễn Hoài Nam